

Số: 396/QĐ-THCS.NT

Gò Vấp, ngày 14 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022 của Trường THCS Nguyễn Trãi

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT –BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2926/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán trường THCS Nguyễn Trãi

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách bổ sung năm 2022 của trường THCS Nguyễn Trãi (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, viên chức, và người lao động tại trường THCS Nguyễn Trãi có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.



Nguyễn Hồng Đức

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
 Đơn vị **TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI**
 Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2926/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND Quận Gò Vấp)
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
1.2	Phí	
	Phí A	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	317.684.845
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	317.684.845
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13)	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 14) (Cải cách tiền lương): Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	317.684.845
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

Ngày 14 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hồng Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Số: 2926 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 06 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BNV ngày 29 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hệ số điều chỉnh tăng thu nhập năm 2022 đến hết thời gian thực hiện thí điểm theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội và sửa đổi khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 4248/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận về phân giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;



Căn cứ Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về phân giao dự toán chi ngân sách năm 2022 đối với 04 đơn vị Khối đoàn thể thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4256/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc phân giao dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 đối với 16 phường thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính;

Căn cứ Công văn số 1733/UBND-TCKH ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về chấp thuận chủ trương giao Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận làm chủ đầu tư thực hiện sửa chữa cải tạo trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận;

Căn cứ Công văn số 3407/UBND-TCKH ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc chấp thuận điều chỉnh nguồn vốn thực hiện dự án: Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận;

Căn cứ Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh công trình sửa chữa, cải tạo trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận;

Căn cứ Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về phân bổ biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân 16 phường năm 2022;

Theo đề nghị của đơn vị và ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 875/TTr-TCKH ngày 29 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán của Ủy ban nhân dân 16 phường, tổng số tiền 16.368.871.537 đồng (Mười sáu tỉ ba trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi một ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng).

(đính kèm phụ lục 06, 07 và số liệu chi tiết)

Điều 2. Điều chỉnh dự toán nguồn cải cách tiền lương của Ủy ban nhân dân 16 phường thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND tại Quyết định số 4256/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp: - 6.982.495.387 đồng (Sáu tỉ chín trăm tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng)

(đính kèm phụ lục 06 và số liệu chi tiết)

Điều 3. Bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán thuộc quận số tiền: 48.676.042.385 đồng (Bốn mươi tám tỉ sáu trăm bảy mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng)

(đính kèm phụ lục 01 đến phụ lục 05 và số liệu chi tiết)

Điều 4. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 3 có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích và quyết toán đúng quy định hiện hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2, Điều 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Khu*

Nơi nhận:

- Như điều 5; “để thực hiện”
- Sở Tài chính;
- TT Quận ủy;
- UBMTTQ VN;
- Các PCT UBND quận;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử (để công khai);
- Lưu: VT.(N).08b

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trí Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Phụ lục 02



PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ
(Ban hành kèm Quyết định số 29/LC/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND (Nguồn 14)	Ghi chú
A	B	C	D	1=2	2	3
I			Chi sự nghiệp giáo dục	42.984.732.527	42.984.732.527	0
1	1127053	622-075	TT. GDNN-GDTX	196.106.850	196.106.850	
2	1071105	622-075	Trường Bồi dưỡng giáo dục	382.478.676	382.478.676	
3	1038561	622-071	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	102.255.804	102.255.804	
4	1038559	622-071	Trường Mầm non Hoa Lan	280.484.548	280.484.548	
5	1038329	622-071	Trường Mầm non Hoà Mi	169.972.498	169.972.498	
6	1037238	622-071	Trường Mầm non Sơn Ca	417.448.097	417.448.097	
7	1037892	622-071	Trường Mầm non Thủy Tiên	87.749.535	87.749.535	
8	1043454	622-071	Trường Mầm non Hướng Dương	346.626.368	346.626.368	
9	1043126	622-071	Trường Mầm non Sen Hồng	167.491.737	167.491.737	
10	1043450	622-071	Trường Mầm non Hoa Sen	93.540.586	93.540.586	
11	1043447	622-071	Trường Mầm non Hoàng Yến	0	0	
12	1043044	622-071	Trường Mầm non Ngọc Lan	61.407.646	61.407.646	
13	1043448	622-071	Trường Mầm non Quỳnh Hương	61.811.174	61.811.174	
14	1080674	622-071	Trường Mầm non Nhật Quỳnh	160.184.730	160.184.730	
15	1069692	622-071	Trường Mầm non Anh Đào	0	0	
16	1043125	622-071	Trường Mầm non Hoa Hồng	184.250.140	184.250.140	
17	1071100	622-071	Trường Mầm non Hồng Nhung	267.282.546	267.282.546	

Đơn vị tính: Đồng



STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND (Nguồn 14)	Ghi chú
A	B	C	D	1=2	2	3
18	1037234	622-071	Trường Mầm non Vầng Anh	0	0	
19	1080928	622-071	Trường Mầm non Hương Sen	361.381.456	361.381.456	
20	1118061	622-071	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây	225.976.812	225.976.812	
21	1120226	622-071	Trường Mầm non An Nhơn	0	0	
22	1120463	622-071	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	0	0	
23	1122312	622-071	Trường Mầm non Trường Vi	42.127.220	42.127.220	
24	1124079	622-071	Trường Mầm non Sóc Nâu	0	0	
25	1069263	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	3.002.002.635	3.002.002.635	
26	1067994	622-072	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	1.763.062.444	1.763.062.444	
27	1067996	622-072	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	637.287.185	637.287.185	
28	1069270	622-072	Trường Tiểu học Hạnh Thông	2.016.163.527	2.016.163.527	
29	1038960	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	1.333.757.422	1.333.757.422	
30	1038317	622-072	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	1.646.161.803	1.646.161.803	
31	1038325	622-072	Trường Tiểu học Kim Đồng	1.688.513.451	1.688.513.451	
32	1043444	622-072	Trường Tiểu học Chi Lăng	1.118.668.329	1.118.668.329	
33	1043446	622-072	Trường Tiểu học Minh Khai	1.683.362.394	1.683.362.394	
34	1043449	622-072	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	1.929.979.694	1.929.979.694	
35	1038322	622-072	Trường Tiểu học An Hội	3.283.636.772	3.283.636.772	
36	1038319	622-072	Trường Tiểu học Lam Sơn	1.993.696.730	1.993.696.730	
37	1037138	622-072	Trường Tiểu học Hồng Gấm	1.105.339.276	1.105.339.276	
38	1069269	622-072	Trường Tiểu học Lê Hoàn	1.262.407.796	1.262.407.796	
39	1067990	622-072	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	2.629.876.303	2.629.876.303	
40	1043443	622-072	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	3.423.298.047	3.423.298.047	
41	1069268	622-072	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	1.174.145.703	1.174.145.703	
42	1038958	622-072	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	1.453.473.310	1.453.473.310	
43	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	1.321.833.368	1.321.833.368	
44	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	963.303.569	963.303.569	

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND (Nguồn 14)	Ghi chú
A	B	C	D	1=2	2	3
45	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	1.342.406.886	1.342.406.886	
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	102.243.201	102.243.201	
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	0	0	
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	450.407.049	450.407.049	
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	0	0	
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	0	0	
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	0	0	
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	1.126.316.940	1.126.316.940	
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	0	0	
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	0	0	
55	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	4.073.516	4.073.516	
56	1051801	622-073	Trường THCS Trường Sơn	0	0	
57	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	317.684.845	317.684.845	
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	0	0	
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	603.053.909	603.053.909	
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	0	0	
II			Chi sự nghiệp Văn hoá	76.000.000	76.000.000	
I	1071013	625-161	Trung tâm văn hoá	76.000.000	76.000.000	
III			Chi sự nghiệp thể dục thể thao	213.000.000	213.000.000	
I	1038562	625-221	Trung tâm thể dục thể thao	213.000.000	213.000.000	
			TỔNG	43.273.732.527	43.273.732.527	

